

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ - UBND

Phước Thành, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của xã Phước Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT - BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của Hội đồng nhân dân xã Phước Thành về việc phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách xã Phước Thành năm 2025;

Theo đề nghị của Ban Tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách năm 2025 của xã Phước Thành.

(Có các biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính xã và các ban, ngành, đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND huyện (b/cáo);
- Phòng TC-KH huyện;
- TT Đảng ủy - TT HĐND xã;
- CT, 2 PCT UBND xã;
- MTTQ và các đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Đạt

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán đã được HĐND xã Quyết nghị)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	13.813.000	TỔNG SỐ CHI	13.813.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	316.000	I. Chi đầu tư phát triển	5.694.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	6.070.000	II. Chi thường xuyên	7.960.580
III. Thu bổ sung	7.427.000	III. Dự phòng	158.420
- Bổ sung cân đối	6.733.000		
- Bổ sung có mục tiêu	694.000		
IV. Thu chuyển nguồn	0		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được HĐND xã Quyết nghị)

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	20.833.000	13.813.000
I	Các khoản thu 100%	316.000	316.000
1	Phí, lệ phí	40.000	40.000
2	Lệ phí môn bài	16.000	16.000
3	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	230.000	230.000
4	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
5	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
6	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
7	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
8	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
9	Thu khác	30.000	30.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	13.090.000	6.070.000
1	Các khoản thu phân chia	290.000	290.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	120.000	120.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	170.000	170.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	12.800.000	5.780.000
	- Thuế GTGT & TNDN	7.800.000	780.000
	- Thuế tiền sử dụng đất	5.000.000	5.000.000
	- Thuế tài nguyên	0	0
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0
	- Thuế thu nhập cá nhân	0	0
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Cải cách tiền lương	0	0
V	Chuyển nguồn		
VI	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.427.000	7.427.000
	- Thu bổ sung cân đối	6.733.000	6.733.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	694.000	694.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được HĐND xã Quyết nghị)

Đơn vị tính: 1.000đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	4	5	6
	TỔNG CHI	13.813.000	5.694.000	8.119.000
	Trong đó :	0		
1	Chi giáo dục	1.659.000	1.659.000	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		
3	Chi y tế	43.000	43.000	
4	Chi văn hóa, thông tin	64.000		64.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	168.859	43.000	125.859
6	Chi thể dục thể thao	85.530	20.000	65.530
7	Chi bảo vệ môi trường	178.300		178.300
8	Chi các hoạt động kinh tế	3.117.488	3.034.000	83.488
9	Chi quốc phòng	518.750		518.750
10	Chi an ninh trật tự	285.120		285.120
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.050.713	646.000	6.404.713
12	Chi cho công tác xã hội	410.410	249.000	161.410
13	Chi trung tâm giáo dục cộng đồng	34.000		34.000
14	Chi khác	39.410		39.410
15	Dự phòng ngân sách	158.420		158.420
16	Cải cách tiền lương	0		
17	Chi các nguồn mục tiêu			
18	Chuyên nguồn	0		

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025
(Dự toán đã được HĐND xã Quyết nghị)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	TỔNG CỘNG		115.181	0	0	53.039	5.694	4.240	5.694	0
I	CÔNG TRÌNH TRẢ NỢ		67.196	0	0	47.312	4.240	4.240	4.240	0
1	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 1 năm 2020		1.010			1.006	4	4	4	
2	Bê tông sân nền chợ An trạch 2020		271			263	9	9	9	
3	Nâng cấp sửa chữa đường BTGT năm 2020		140			137	3	3	3	
4	Xây dựng 04 cổng ngõ vào nghĩa địa các thôn		709			32	45	45	45	
5	Bê tông sân nền và xây dựng Vườn thuốc nam Trạm y tế xã		486			474	13	13	13	
6	Xây dựng lều chợ An Trạch năm 2020		688			670	18	18	18	
7	Xây dựng lều chợ Quán Rạp năm 2020		556			541	15	15	15	
8	Xây dựng lều chợ Cây Sanh năm 2020		832			810	22	22	22	
9	Xây dựng mương thoát nước Chợ Quán Rạp nối dài		647			632	15	15	15	
10	Bê tông, lát đá sân Nghĩa trang liệt sỹ xã		1.120			1.090	29	29	29	
11	Bê tông mặt trước nhà văn hóa 4 thôn và nâng cấp mặt bằng sân Nhà văn hóa thôn Bình An 2		284			277	8	8	8	
12	Nâng cấp sân chơi & mái hiên trường mầm non		789			765	24	24	24	
13	Sửa chữa Nhà văn hóa và Trụ sở 4 thôn		736			717	19	19	19	
14	Xây dựng mương thoát nước KDC xóm 2, thôn Cảnh An 2		258			252	6	6	6	
15	Nâng cấp sửa chữa đường BTGT NT xóm 2, thôn Cảnh An 1		392			363	30	30	30	
16	Xây dựng mái hiên phía tây Trạm y tế xã		65			56	10	10	10	
17	Xây dựng tường rào Trường Tiểu học số 1 Phước Thành		929			814	115	115	115	
18	Xây dựng Thư viện xanh Trường Tiểu học số 1 Phước Thành		498			451	47	47	47	
19	Xây dựng tường rào Trường Tiểu học số 2 Phước Thành		664			541	123	123	123	
20	Xây dựng Tường ràoTrường THCS Phước Thành năm 2021		342			299	42	42	42	
21	Xây dựng Nhà vệ sinh Trường THCS Phước Thành		681			550	131	131	131	
22	Lắp đặt nắp đậy mương thoát nước Chợ Quán rạp		237			218	20	20	20	
23	Xây dựng lều Chợ An Trạch năm 2021		564			496	68	68	68	
24	Sửa chữa đường BTXM GT nông thôn năm 2021		832			624	208	208	208	
25	Xây dựng nhà vệ sinh Chợ An Trạch		392			345	47	47	47	
26	Sửa chữa, gia cố khắc phục khẩn cấp các đoạn đê sông Hà Thanh		716			649	67	67	67	
27	Xây dựng, nâng cấp vỏ mộ Nghĩa trang liệt sỹ xã Phước Thành		1.128			547	200	200	200	
28	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường từ KDC xóm 1, thôn Bình An 1 đi Hóc Công		526			520	6	6	6	

29	BTXM từ nương Hoàn Cầu đi xóm 1, thôn Bình An 1		1.129			1.060	68	68	68	
30	Nâng cấp mở rộng đường BTXM liên xã đoạn từ Bàu định đến giáp xã Phước An		1.046			881	63	63	63	
31	KCHKM từ Phai bàu trảy đến đồng Cò Ke		297			286	12	12	12	
32	KCHKM từ Vườn Du bờ làng đến Bà Chiểu		360			346	14	14	14	
33	KCHKM từ vườn ươm Nhân đến ngõ Lý		609			585	24	24	24	
34	KCHKM phai 2/9 giáp ruộng sông Võ Thê -KCHKM từ cây trường giáp sông Võ Thê -KCHKM từ phai bàu Trai đến nương Ngang		513			494	20	20	20	
35	KCHKM từ cống sân bắn đến gò miếu - từ phai gò miếu đến tràn Cù Lao - từ phai hồ Cây da đến vũng nông		957			920	37	37	37	
36	KCHKM từ tràn đồng Quảng đến suối - từ đường bê tông đến nương tràn đồng quảng đến suối - từ đường bê tông đến nương dừa - từ nương bê tông gò thờ đến nương dừa.		826			794	32	32	32	
37	KCHKM từ cào cỏ đến tràn đồng Quảng- KCHKM giữa đồng trên và đồng cù lao - KCHKM từ nương giữa bạc nén đến suối nương dừa -KCHKM từ Ngọc Lâm đến đầm Cùm.		712			684	28	28	28	
38	Xây dựng tường rào phía đông, sân nền Trường TH số 1		1.054			883	171	171	171	
39	Xây dựng tường rào Trường Mầm non Phước Thành		760			684	76	76	76	
40	Xây dựng sân khấu, vườn cỏ tích Trường MN Phước Thành		1.015			639	200	200	200	
41	Đường bê tông xi măng nông thôn thôn Bình An 2 năm 2021		120			118	3	3	3	
42	Đường bê tông xi măng nông thôn thôn Cảnh An 2 năm 2021		288			285	5	5	5	
43	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 1 năm 2021		1.877			1.673	204	204	204	
44	Đường BTXM ngã 3 Mảnh Hồ -Hành lang đường sắt thôn Cảnh An 2		805			764	40	40	40	
45	Sửa chữa nhà vệ sinh, tường rào Trường THCS		379				20	20	20	
46	Bê tông sân nền Trường THCS		246			101	145	145	145	
47	Xây dựng vườn cỏ tích Trường Tiểu học số 2		1.113			450	100	100	100	
48	Xây dựng Cầu Mương Sanh		1.096			973	20	20	20	
49	Mở rộng đường BTGT đoạn từ QL 19C đến cống Trường Tiểu học số 1 Phước Thành		769			503	20	20	20	
50	Tường rào Trạm y tế xã		651			395	20	20	20	
51	Tường rào cống ngõ, và hệ thống thoát nước Nhà văn hóa thôn Cảnh An 2		533			150	20	20	20	
52	Duy tu sửa chữa đê sông Hà Thanh		310			273	37	37	37	
53	Xây dựng Nhà xe Trường THCS Phước Thành		303			150	20	20	20	
54	KCHKM Miếu bà - ruộng phong; giếng Vườn Thạch - ruộng Thời; Ngõ Chăm - Cầu Giang		332			202	20	20	20	
55	KCHKM ngõ Ghi - ngõ Kỳ; Rộc Sung - sông Hà Thanh; ruộng Chùa - Mương 2/9		464			443	21	21	21	
56	KCHKM Đồng Quảng - phai 2; Gò Thờ - ruộng Tiến; ngõ Dững Vườn Du; Bờ bạn Quế - Bờ làng; Vũng Tròn - Bà Chiểu		1.038			872	20	20	20	
57	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 1 năm 2022		1.036			524	20	20	20	
58	Đường BTXM GTNT thôn Bình An 2 năm 2022		1.586			613	200	200	200	
59	Đường BTXM GTNT thôn Cảnh An 2 năm 2022		44				44	44	44	
60	Xây dựng bờ bạn ngã ba thôn Bình An 2		856			826	29	29	29	

61	Khắc phục đường GTNT do thiệt hại lũ lụt năm 2021; Hạng mục: Tràn cây Xoài, tràn Đồng Trên		967			808	20	20	20	
62	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Đồ án: Các điểm khu dân cư năm 2020 tại xã Phước Thành, huyện Tuy Phước		340			281	20	20	20	
63	Mở rộng BTGTNT đoạn từ cổng chào đến Trường mẫu giáo thôn Bình An 1		929			858	72	72	72	
64	Lắp đặt bảng đèn led nhà làm việc UBND xã, nhà văn hoá xã		491			370	20	20	20	
65	Mở rộng đường BTGT đoạn từ cổng chào đến Nhà văn hóa thôn Bình An 2		1.029			679	20	20	20	
66	Nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh		388			345	43	43	43	
67	Xây dựng kênh mương bờ ban đầu thôn Bình An 2		1.023			988	35	35	35	
68	Xây dựng tường rào phía đông, nối sê nô giữa 02 dãy phòng học Trường Tiểu học số 2 Phước Thành		576			353	20	20	20	
69	Xây dựng nhà vệ sinh Trường Tiểu học số 2		1.048			444	20	20	20	
70	Tường rào cổng ngõ Trường Mầm non cụm Bình An 2		815			481	20	20	20	
71	Tường rào cổng ngõ và sân nền Trường MN cụm Cảnh An 2		979			530	20	20	20	
72	Nâng cấp cải tạo nhà xe giáo viên, học sinh, công vệ, cổng ngõ, nhà bảo vệ, cột cờ Trường Tiểu học số 1 Phước Thành		1.017			350	20	20	20	
73	Cải tạo vườn cổ tích, khu vận động, đường chạy 60m và sân nền phía sau trường tiểu học số 1 Phước Thành		869			478	100	100	100	
74	Nâng cấp cải tạo sân nền, bồn hoa và hệ thống thoát nước phía trước Trường Tiểu học số 1 Phước Thành		1.111			807	20	20	20	
75	Xây dựng sân bóng đá, sân nền và hệ thống thoát nước phía sau dãy 12 phòng tầng trường Trường tiểu học số 1 Phước Thành		1.141			200	20	20	20	
76	Mở rộng đường BTGT đoạn từ quốc lộ 19C đến KDC xóm 1 thôn Cảnh An 1		475			307	20	20	20	
77	Mở rộng đường BTGT đoạn từ Nhà văn hoá thôn Cảnh An 2 đến Từ đường		1.046			523	20	20	20	
78	Mở rộng nâng cấp GTNT từ QL 19C đến khu dân cư xóm 2 thôn Cảnh An 1		971			489	20	20	20	
79	KCHKM Ngõ Tám Mèo - Giáp suối; Rộc Tâm - Mương Hoàn Cầu		450			335	20	20	20	
80	KCHKM mương giữa đồng trên; Mốc mèo - Cây Gáo; bờ ban đầu - cây Gáo; sân bắn - ruộng Khả Gò Miếu		595			360	20	20	20	
81	KCHKM mương Gò Miếu - ruộng Thành Nhân; mương giữa ông Tùng sâu		671			400	20	20	20	
82	KCHKM từ đầu Cây Me đến Hóc Ngang		186			110	76	76	76	
83	Lắp đặt tuyên truyền Trực quan, Cảnh quan môi trường		1.052			550	20	20	20	
84	Xây dựng bờ ban quế thôn Bình An 2		558			526	32	32	32	
85	Xây dựng hệ thống thoát nước đoạn từ Bàu Định giáp xã Phước An		812			649	20	20	20	
86	Xây dựng tường rào, cổng ngõ và sân nền trường Mầm non cụm Bình An 1		777			341	20	20	20	
87	Nâng cấp, mở rộng BTXM từ ngõ Sơn - Ngõ Sáng xóm 2 thôn Bình An 2		287		0		20	20	20	
88	Nâng cấp BTXM đường nội bộ khu dân cư Lỗ Đế xóm 5 thôn Cảnh An 1		100				20	20	20	
89	Nâng cấp, mở rộng BTXM từ ngõ Xanh - Ngõ Mướp xóm 4 thôn Bình An 1		76				20	20	20	
90	Nâng cấp, mở rộng BTXM từ ngõ Pha - Ngõ Bình - Ngõ Hưng xóm 2 thôn Cảnh An 1		159				20	20	20	
91	BTXM nhà yến xóm 3 - nhà Anh thôn Bình An 2		79				20	20	20	
92	BTXM dọc đê sông Hà Thanh xóm 1 thôn Cảnh An 2		378				20	20	20	
93	BTXM xóm 4 Cảnh An 1 - Xóm 1 thôn Bình An 1		667				20	20	20	
94	BTXM - Nghĩa Địa Vườn Du Bình An 1		155				20	20	20	
95	KCHKM đoạn từ đường bê tông đồng cây Xay đến ngõ Lý		242			70	20	20	20	
96	Xây dựng sân nền, cột cờ Trường tiểu học số 2 Phước Thành		398			200	20	20	20	

97	Xây dựng nhà kho vật tư nông nghiệp cho HTX nông nghiệp Phước Thành		758			619	20	20	20	
98	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Thành, huyện Tuy Phước đến năm 2035		300			37	20	20	20	
99	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Bình An 1		351			338	14	14	14	
100	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Cảnh An 1		412			381	31	31	31	
101	Đường bê tông khu dân cư đất làng xóm 5 thôn Cảnh An 1		383				20	20	20	
102	Bê tông và trang trí khu công viên cột cờ		300				20	20	20	
103	Nâng cấp sửa chữa đường BT GTNT năm 2023		337				20	20	20	
104	Nạo vét sa bồi, san trả mặt bằng đồng ruộng phía hạ lưu tràn đồng trên		952			791	20	20	20	
105	Nạo vét, phát dọn thông thoáng dòng chảy tuyến mương đoạn từ Cầu Mương Sanh đến Cầu Tre		926			600	20	20	20	
II	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP		20.505	0	0	5.727	300	0	300	
1	Xây dựng Bờ ban Bàu Sen		1.122			400	20		20	
2	Xây dựng cống thoát nước qua đường và nâng cấp taly tuyến đường từ Bưu điện xã đến Trường tiểu học số 1 Phước Thành		200				20		20	
3	Sân vận động xã Phước Thành		7.519			3.020	20		20	
4	Nhà thi đấu đa năng Trường TH số 2 Phước Thành		2.649			600	20		20	
5	Nâng cấp trường Tiểu học số 1 Phước Thành		497			350	20	0	20	0
6	Nâng cấp trường Trung học cơ sở Phước Thành		720			369	20		20	
7	Sửa chữa Trạm bơm và thay thế đường ống dẫn nước trước Trạm bơm Núi Đá, thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành		1.182				20		20	
8	XD tuyến đường BTXM từ Hóc Công đi xóm 1 thôn Bình An 1		1.126			988	20		20	
9	Hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông đoạn Quốc lộ 19C đến Sư đoàn 31		1.200				20		20	
10	Xây dựng hệ thống tiêu thoát lũ vùng ruộng lúa và khu dân cư xóm 1, thôn Cảnh an 1						20		20	
11	Nâng cấp mở rộng trường mầm non Phước Thành		300				20		20	
12	Nhà thi đấu đa năng Trường TH số 1 Phước Thành		3.000				20		20	
13	Hệ thống Camera an ninh trên địa bàn xã Phước Thành		700				20		20	
14	Xây dựng nhà xe giáo viên 3 điểm trường mầm non		90				20		20	
15	Sơn sửa nghĩa trang liệt sỹ xã năm 2024		200				20		20	
III	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI		27.480	0	0	0	1.154	0	1.154	0
1	Nâng cấp sửa chữa, xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Bình an 2		600				294		294	
2	Thảm nhựa đường BTXM đường liên xã tuyến thôn Bình an 2 – Phước An		800				400		400	
3	Nâng cấp, thảm nhựa QL19c - Giáp ranh giới xã Phước An thôn Bình An 1		500				20		20	
4	Nâng cấp sửa chữa BTXM từ công nghĩa địa thôn Bình An 1 - Hầm chui đường cao tốc		600				20		20	
5	Nâng cấp sửa chữa BTXM từ Ngõ Lịnh - Khu tái định cư xóm 3 thôn Bình An 1		400				15		15	
6	Nâng cấp, thảm nhựa QL19c - đi F31 giáp ranh giới xã Phước An thôn Bình An 1		1.000				15		15	
7	Nâng cấp, thảm nhựa từ giáp ranh giới xã Phước An - khu Tái định cư xóm 3 thôn Bình An 1		1.100				15		15	
8	Nâng cấp, thảm nhựa từ F31 - khu tái định cư xóm 1 thôn Bình An 2		700				15		15	

9	Nâng cấp, thảm nhựa QL19c - khu dân cư Vườn Táo Bình An 1 và QL19c - đường gom Công ty Tấn Thành		800				15		15	
10	Nâng cấp, thảm nhựa QL19c - Hầm chui cao tốc xóm 2 thôn Cảnh An 1		1.200				15		15	
11	Nâng cấp, thảm nhựa QL19c - nhà Lệnh xóm 2 thôn Cảnh An 1		1.300				15		15	
12	Nâng cấp, thảm nhựa QL19c - Hầm chui cao tốc xóm 3 thôn Cảnh An 1		1.300				15		15	
13	Nâng cấp, thảm nhựa QL19c -Trường Tiểu học số 1 Phước Thành		1.300				15		15	
14	Nâng cấp, thảm nhựa QL19c -Từ đường thôn Cảnh An 2		1.000				15		15	
15	Nâng cấp, thảm nhựa QL19c - Kho kỹ thuật K52 Cảnh An 2		1.100				15		15	
16	Nâng cấp, thảm nhựa QL19c - đi xóm 6 thôn Cảnh An 1		1.200				15		15	
17	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM đoạn nhà văn hóa thôn Bình An 2 đến xóm 5 thôn Bình An 2		1.000				15		15	
18	Tường rào trường Mầm non Phước Thành (cụm chính)		800				15		15	
19	Điện chiếu sáng khu Trung tâm xã		1.100				15		15	
20	Nâng cấp mở rộng BTXM đến từ đường họ Trần thôn Cảnh An 2		300				15		15	
21	Nâng cấp mở rộng BTXM đoạn ngõ Long đến Khu dân cư Vườn Mít		1.200				15		15	
22	BTXM từ cổng sau trường THCS đến cổng Sân vận động xã		300				15		15	
23	BTXM từ Ngõ Hưng, Ngõ Nổi đến đường BTXM xóm 3 Cảnh An 1		150				15		15	
24	Nhà thi đấu đa năng Trường THCS		3.600				15		15	
25	KCHKM Từ ruộng Xanh đến mương cấp 1; Từ ruộng Dững đến suối; Từ ruộng Hương đến suối; Ruộng cải tạo đến bờ bạn Đầu, Từ ruộng nhiều đến mương sông Rắn		900				15		15	
26	KCHKM Từ ruộng Tiên đến ruộng Xước; Từ ruộng Nhân đến suối Ngọc Lâm, Từ đồng cù lao xóm 3 đến ruộng Nguyễn Thị Bảy		300				15		15	
27	KCHKM Nối dài đến ruộng sông, từ ruộng Dư phú đến đám vọng, đoạn mương đồng dưa Cảnh An 2.		300				15		15	
28	Xây dựng hệ thống mương thoát nước KDC Lỗ Đế đến Đồng Quê		600				15		15	
29	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Nhà văn hóa xã		500				15		15	
30	Hệ thống Cây xanh cảnh quang		500				15		15	
31	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu dân cư xã Phước Thành năm 2024		860				15		15	
32	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Phước Thành		170				15		15	

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025
(Dự toán đã được HĐND xã quyết nghị)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024			KẾ HOẠCH NĂM 2025		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	167.078	97.522	69.556	144.556	84.000	60.556
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	167.078	97.522	69.556	144.556	84.000	60.556
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	31.021	15.000	16.021	31.021	15.000	16.021
QuỹNgày vì người nghèo	66.115	43.400	22.715	37.715	22.000	15.715
Quỹ khuyến học	19.473	15.262	4.211	19.211	17.000	2.211
Quỹ Người cao tuổi	16.699	3.510	13.189	28.189	10.000	18.189
Quỹ Bảo trợ chăm sóc trẻ em	33.770	20.350	13.420	28.420	20.000	8.420
- ...						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						
Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi						
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi						